

Số: 07/KH-NTr

Nậm Kè, ngày 22 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật số 43/2019/QH14 – Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

Căn cứ Thông tư số 28/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 2 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Phổ thông Dân tộc bán trú;

Căn cứ Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ GD&ĐT về Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Căn cứ Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Căn cứ Quyết định 181/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nậm Kè về việc Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn xã Nậm Kè;

Căn cứ văn bản số 2621/SGDĐT-GDMNTH ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026;

Trường PTDTBT tiểu học Nậm Kè số 1 xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 với những nội dung cụ thể sau:

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương

1.1 Thuận lợi

Xã Nậm Kè là đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh Điện Biên, có đường biên giới giáp với nước CHDCND Lào. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với xã vùng núi khó khăn thuộc chương trình 135, chương trình 30a, chương trình nông thôn mới. Đặc biệt là được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền địa phương, đời sống của nhân dân được nâng lên, nhận thức về công tác giáo dục có

sự chuyển biến tích cực. Nhu cầu học cao hơn, sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo không ngừng phát triển đã góp phần vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương trong thời kỳ công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

Nậm Kè là xã có truyền thống văn hoá lâu đời luôn giữ bản sắc của dân tộc, truyền thống văn hoá của địa phương. Giáo dục đã có những phát triển đáng kể, quy mô mạng lưới trường, lớp và học sinh đã ổn định, con em đồng bào dân tộc được tạo điều kiện học tập.

Trong năm qua tình hình chính trị, văn hóa xã hội ở địa bàn xã tương đối ổn định đây là điều kiện cơ bản để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục.

Nhà trường nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên, của Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, UBND xã Nậm Kè; sự giúp đỡ của các ban, ngành đoàn thể xã; đặc biệt là sự quan tâm, ủng hộ của nhân dân các dân tộc trong xã.

Có nhiều nguồn từ thiện từ các nhà hảo tâm trong nước, các chương trình dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho trường học và kinh phí đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học.

Các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện đã dần đi vào cuộc sống giúp nâng cao nhận thức và hành động của mọi người dân.

Công nghệ thông tin phát triển mạnh giúp cho mọi tầng lớp nhân dân nắm bắt được thông tin về giáo dục nhanh, từ đó có sự thấu hiểu và chia sẻ đối với nhà trường trong quá trình triển khai nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

1.2 Khó khăn

Địa bàn xã rộng gồm 21 bản, nhiều bản cách xa trung tâm xã, giao thông đi lại khó khăn đặc biệt là mùa mưa lũ. Kinh tế xã hội của địa phương phát triển không ổn định, tình trạng di dịch cư tự do và tuyên truyền đạo trái pháp luật còn diễn biến phức tạp.

Điều kiện kinh tế của gia đình học sinh còn nhiều khó khăn, toàn trường có trên 70% học sinh là con hộ nghèo nên sự quan tâm, tạo điều kiện tốt nhất cho con em học tập còn hạn chế.

Khoảng 40% phụ huynh chưa quan tâm đến việc học tập của con em, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và xã hội với nhà trường trong công tác giáo dục.

Những hiện tượng tiêu cực của xã hội như buôn bán sử dụng trái phép chất ma túy, bạo lực gia đình, tảo hôn, hôn nhân cận huyết, ... đã có tác động xấu đến công tác giáo dục đạo đức cho học sinh.

Ảnh hưởng của phim ảnh, internet và xã hội lên học sinh, khiến việc quản lý và giáo dục các em cần có sự đầu tư và đổi mới liên tục.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường

2.1. Đặc điểm học sinh nhà trường

a. Số lớp, số học sinh năm học 2025 - 2026:

Khối lớp	SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH NĂM HỌC 2025-2026										
	Số lớp	HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	K. tật	Bán trú	HS con hộ nghèo, cận nghèo	HS mồ côi	HS học 2 buổi/ngày	Tỷ lệ HS/lớp
1	3	53	30	49	27	1	1	31	1	53	17,7
2	6	83	39	76	36	1	5	52	1	83	13,8
3	3	72	40	69	38	0	49	23	0	72	24
4	3	99	42	92	39	1	59	39	3	99	33
5	3	86	42	83	40	1	61	72	2	86	28,7
Tổng	18	393	193	369	180	4	175	217	7	393	21,8

b. Thuận lợi, khó khăn

*. Thuận lợi:

Năm học 2024-2025 có 16,2% học sinh hoàn thành xuất sắc; trên 21,7% học sinh được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập và rèn luyện, 100% học sinh được đánh giá Hoàn thành chương trình lớp học, 100% học sinh được giáo dục kỹ năng sống đây là những tiền đề để nhà trường thực hiện tốt hơn cho năm học 2025-2026.

Năm học 2025-2026 toàn trường có 18 lớp = 393 học sinh tỉ lệ 21,8 hs/lớp, số học sinh trên lớp đảm bảo tỉ lệ theo quy định. Tỉ lệ huy động trẻ 6-10 tuổi ra lớp đảm bảo 100%.

Hầu hết học sinh được tuyển vào lớp 1 đều đã được học qua Mẫu giáo 5 tuổi, các em đã được học tăng cường Tiếng Việt trước khi vào lớp 1.

Học sinh bán trú ăn, ngủ tại trường vì vậy việc tổ chức các hoạt động dạy 2 buổi/ngày hiệu quả.

*. Khó khăn:

Trường có 07 điểm bản lẻ, xa trung tâm, giao thông đi lại khó khăn. Địa bàn cư trú của học sinh không tập trung, nhiều em ở cách xa trường, điểm trường trên 3 km nên tỷ lệ đi học chuyên cần chưa cao nhất là mùa mưa lũ, mùa đông giá rét.

Trên 94% học sinh của trường là người dân tộc thiểu số, nhiều em vốn tiếng Việt còn hạn chế nên ngại giao tiếp, gây khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức và hoạt động nhóm.

Đa số học sinh đều phải tham gia lao động cùng gia đình, nhiều gia đình có ruộng, nương ở xa nên một số em còn nghỉ học rải rác trong năm nhất là thời gian mùa vụ.

2.2 Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a. Về số lượng, trình độ đào tạo:

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên: Tổng số 36 đồng chí trong đó:

S T T	Đội ngũ	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ chuyên môn					Trình độ LL		Đảng viên
					ĐH	CĐ	TC	SC	Chưa qua ĐT	TC LL	SC	
1	BGH	3	1	1	3	0	0	0	0	3	0	3

2	Giáo viên	27	19	9	27	0	0	0	0	0	2	19
3	Nhân viên	6	4	4	4	0	1	0	1	0	0	5
Cộng		36	25	14	34	0	1	0	1	3	2	27

b. Về cơ cấu đội ngũ:

- CBQL: 03, trong đó: Hiệu trưởng: 01; Phó hiệu trưởng: 02;
- Tổng số giáo viên: 27, trong đó: Giáo viên văn hoá: 22, tiếng Anh: 01, Mỹ thuật: 01, Thể dục: 02, TPTĐ: 01.
- Tổng số nhân viên: 06; trong đó: Kế toán: 01; Y tế học đường: 01; Văn thư, Thủ quỹ: 01; bảo vệ: 01; Thư viện: 01; Thiết bị: 01.

c. Thuận lợi, khó khăn:

- Thuận lợi

+ Về cán bộ quản lý:

Có đủ về số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường;

Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản trị nhà trường; Có năng lực kết nối cộng đồng;

Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018;

+ Về đội ngũ giáo viên:

Đội ngũ giáo viên có trình độ đạt chuẩn là 100%. Đội ngũ giáo viên của trường phần đông có năng lực chuyên môn vững vàng, có kinh nghiệm công tác, tâm huyết, nhiệt tình trách nhiệm với công việc được giao, luôn duy trì và giữ vững khối đoàn kết cùng giúp đỡ nhau khắc phục mọi khó khăn, sẵn sàng nhận và phân đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được phân công.

Chất lượng đội ngũ cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. 100% GV sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả; Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục;

Đa số giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục;

Giáo viên tích cực phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh;

+ Về đội ngũ nhân viên:

Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường;

Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường;

Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường;

- Khó khăn

+ Về cán bộ quản lý:

Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chưa tốt.

+ Về đội ngũ giáo viên:

Thiếu giáo viên chuyên như: Tin học, Ngoại ngữ, Âm nhạc.

Còn trên 7% giáo viên có trình độ đạt chuẩn đào tạo xong năng lực chuyên môn còn hạn chế, việc ứng dụng công nghệ thông tin còn chậm, chưa tích cực đổi mới, làm việc còn theo lối mòn chưa linh hoạt, chưa sáng tạo; trình độ ngoại ngữ còn nhiều hạn chế.

Việc chăm sóc và giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập chưa đạt hiệu quả cao do giáo viên chưa có nhiều kinh nghiệm đặc biệt là đối với học sinh khiếm thị, khiếm thính,

+ Về đội ngũ nhân viên:

Công tác xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

a. Số lớp, số học sinh các điểm trường

STT	ĐỊA ĐIỂM (trung tâm hoặc bản)	KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026														Tổng lớp	Tổng HS
		Khối lớp 1		Khối lớp 2		Khối lớp 3		Khối lớp 4		Khối lớp 5		Tổng lớp đơn		Tổng lớp ghép			
		Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS		
1	Trung tâm	1	13	1	28	3	72	3	99	3	86	11	298	0	0	11	298
2	Nậm Kè		4	1	6									1	10	1	10
3	Huổi Khon 1		9	1	11									1	20	1	20
4	Huổi Khon 2	1	4		4									1	8	1	8
5	Ngã Ba Huổi Khon		4	1	8									1	12	1	12
6	Huổi Thanh1 (Cụm 1)	1	6		6									1	12	1	12
7	Huổi Thanh1 (Cụm 2)		3	1	8									1	11	1	11
8	Chuyên Gia3		10	1	12									1	22	1	22
Tổng cộng		3	53	6	83	3	72	3	98	3	86	11	298	7	95	18	393

b. Về cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

- Diện tích trường: 10208 m²

Đạt: 26 m²/1HS

- Diện tích sân chơi, bãi tập: 4360 m²

Đạt: 11,1 m²/1HS

- Diện tích khu TDTT: 0 m²

Đạt: 0 m²/1HS

- Số lượng các phòng lớp học:

TT	Nội dung	Số lượng	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Ghi chú
1	Phòng hành chính quản trị					
1.1	Hiệu trưởng	1	1	0	0	
1.2	Phó Hiệu trưởng	0	0	0	0	
1.3	Văn phòng	1	1	0	0	
1.4	Bảo vệ	1	0	0	1	
1.5	Nhà để xe giáo viên	1	0	0	1	
1.6	Nhà vệ sinh giáo viên	8	1	5	2	
2	Phòng học					
2.1	Tổng số	27	11	16	0	
2.2	Tỉ lệ phòng học/lớp					
3	Phòng chức năng					
3.1	Ngoại ngữ	1	1	0	0	
3.2	Tin học	1	1	0	0	
3.3	Âm nhạc	0	0	0	0	
3.4	Mĩ Thuật	0	0	0	0	
3.5	GDTC	0	0	0	0	
3.6	Khoa học công nghệ	0	0	0	0	
3.7	Đa chức năng	0	0	0	0	
4						
4.1	Thư viện	0	0	0	0	
4.2	Thiết bị giáo dục	1	1	0	0	
4.3	Tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật	0	0	0	0	
4.4	Truyền thông	0	0	0	0	
4.5	Đội TNTP Hồ Chí Minh	1	0	0	1	
5						
5.1	Phòng họp	1	1	0	0	
5.2	Y tế học đường	0	0	0	0	
5.3	Kho	0	0	0	0	

5.4	Nhà để xe học sinh	0	0	0	0	
5.5	Khu vệ sinh học sinh	8	1	5	2	
5.6	Phòng nghỉ giáo viên	0	0	0	0	
5.7	Phòng công vụ giáo viên	9	0	9	0	
6	Khối phục vụ sinh hoạt					
6.1	Nhà bếp	6	1	0	5	
6.2	Kho bếp	0	0	0	0	
6.3	Nhà ăn	1	0	0	1	
6.4	Phòng nội trú	7	0	0	7	
6.5	Phòng quản lý học sinh	0	0	0	0	
6.6	Phòng sinh hoạt chung học sinh nội trú	0	0	0	0	

- Số bộ bàn ghế giáo viên: 18 bộ; Số bộ bàn ghế học sinh: 228 bộ.

Trường có đủ số phòng học, đáp ứng yêu cầu mỗi lớp/một phòng, mỗi học sinh một chỗ ngồi do đó 100% học sinh được học 2 buổi/ngày. Trên 80% phòng học đều được trang bị đủ bàn ghế đúng quy cách phù hợp với đối tượng học sinh từng khối lớp; có bảng chống loá, đủ ánh sáng, có tủ đựng tài liệu; có phòng ở và các công trình phụ trợ cho học sinh bán trú.

Có phòng thư viện chung với phòng thiết bị, thiết bị dạy học được cấp đảm bảo yêu cầu tối thiểu. Hàng năm được bổ sung kịp thời đảm bảo phục vụ tốt cho công tác dạy và học, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động giáo dục.

Thư viện được trang bị đủ số lượng sách giáo khoa, có tài liệu tham khảo, báo và tạp chí, hàng năm được bổ sung sách báo, tài liệu tham khảo.

Diện tích phòng học chưa đảm bảo theo quy chuẩn. Thiếu các phòng chức năng như phòng: nghệ thuật, nhà đa năng, sân chơi bãi tập, cơ sở vật chất chưa đáp ứng tốt nhu cầu vui chơi giải trí của các em. Thiết bị dạy học chưa đồng bộ.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

Tiếp tục triển khai chương trình giáo dục phổ thông 2018 đến toàn thể cán, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh. Tham mưu với chính quyền địa phương triển khai rộng rãi đến toàn thể nhân dân.

100% các lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần), mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút.

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5.

Thực hiện Chương trình Tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 3, lớp 4; lớp 5.

Thực hiện Chương trình Tin học và công nghệ theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5.

Thực hiện nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 tỉnh Điện Biên thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT và được dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm.

Triển khai giáo dục STEM theo hướng dẫn tại Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập:

Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập. Học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân và theo quy định.

Tăng cường Tiếng Việt cho HS dân tộc thiểu số: Tiếp tục thực hiện dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc qua các môn học và hoạt động giáo dục 01 tiết/tuần, thường xuyên dạy kỹ năng nghe, nói (phát âm) viết chính tả cho học sinh lớp 1,2,3. Việc dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê duyệt (Quyết định số 631/QĐ-BGDĐT ngày 15/3/2019 dành cho giáo viên lớp 1 và học sinh lớp 1; Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3). Xây dựng lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tiếng Việt.

Tổ chức dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một: Thực hiện dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1 theo quy định tại Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 (thời lượng 72 tiết).

-Tổ chức thực hiện lớp ghép

Thực hiện theo Công văn số: 5335/BGDĐT-GDTH ngày ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép cấp tiểu học và công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày ngày 16 tháng 4 năm 2020 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn và thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

Năm học 2025-2026 nhà trường có 07 lớp ghép 1+2 ở 07 điểm trường với 95 học sinh.

Tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục: Phối hợp linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học trong mỗi buổi học: dạy học chung cả lớp, dạy học riêng từng nhóm trình độ, dạy học cho mỗi cá nhân học sinh. Phân bổ thời gian làm việc với các nhóm trình độ trong từng tiết học một cách hợp lý nhằm đảm bảo thời lượng thực học hiệu quả trong mỗi tiết học cho tất cả học sinh. Tích cực sử dụng phiếu giao việc trong quá trình

dạy học để phát huy khả năng học tập độc lập và hợp tác nhóm của học sinh; tăng cường khả năng hỗ trợ lẫn nhau giữa học sinh của các nhóm trình độ và giữa học sinh hoàn thành tốt, học sinh hoàn thành và học sinh chưa hoàn thành.

Tổ chức dạy học tập trung 2 môn Tiếng Việt và Toán theo đúng quy định của chương trình phổ thông năm 2018, các môn học còn lại được vận dụng một cách linh hoạt phù hợp với khả năng nhận thức của đối tượng học sinh, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của từng lớp học.

- Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị: Xây dựng tủ sách lớp học, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế. Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Triển khai thực hiện thiết bị dạy học tự làm.

- Các hình thức tổ chức dạy học trong năm học:

- + Đối với những môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Nhà trường tổ chức dạy học trên lớp kết hợp với dạy học tích hợp liên môn và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương đối với một số mạch kiến thức phù hợp, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống để phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Tổ chức dạy học phân hóa, dạy học tích hợp. Tổ chức dạy học trải nghiệm tập trung vào hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện, hoạt động phát triển quan hệ bạn bè thầy cô và những người thân trong gia đình và các hoạt động xã hội gần gũi với học sinh.

Thực hiện tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục Quốc phòng và An ninh vào các môn học theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ GDĐT. Vệ sinh môi trường, tích hợp về biến đổi khí hậu, giáo dục Biển đảo Việt Nam và các nội dung giáo dục qua các bài trong các môn học: Tiếng Việt, Tự nhiên và xã hội, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức.

- + Đối với môn học tự chọn: Căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương năm học 2025-2026 không tổ chức dạy học các môn tự chọn do không đủ giáo viên.

- + Đối với hoạt động củng cố, tăng cường: Tập trung tăng cường cho học sinh một số môn học như Toán, Tiếng Việt và phát triển văn hóa đọc ... đảm bảo đủ 7 tiết/ngày (32 tiết/tuần đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5).

- 100% cán bộ quản lý, giáo viên trong đơn vị được tập huấn về chương trình giáo dục phổ thông qua nhiều hình thức như học trực tuyến qua mạng, qua tự nghiên cứu tài liệu và các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức và tập huấn tại đơn vị.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cho cả năm học, cán bộ quản lý, giáo viên nghiên cứu kỹ tài liệu sách giáo khoa, phân tích mạch kiến thức phù hợp với từng vùng miền, địa phương để xây dựng kế hoạch dạy học theo môn học như: các tiết học trải nghiệm theo từng môn học, các tiết dạy học theo chủ đề, các tiết ngoại khóa trong và ngoài nhà trường, hoạt động của các Câu lạc bộ, Giáo dục địa phương Việc xây dựng kế hoạch đảm bảo chi tiết cụ thể theo tuần, tháng và cả năm học.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026

1. Mục tiêu chung

Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, đạt chất lượng giáo dục cao, giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Giáo dục nhà trường tiếp tục khẳng định là niềm tin của gia đình và xã hội, làm cho học sinh thích học, thích đi học, mỗi ngày đến trường là một ngày vui, tập trung xây dựng trường học tiên tiến, hiện đại và hội nhập, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ các yếu tố cơ bản của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành theo hướng coi trọng phát triển phẩm chất, năng lực của người học, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm công dân của học sinh đối với cộng đồng, xã hội, gắn giáo dục tri thức, đạo đức với giáo dục truyền thống văn hóa, giáo dục thể chất; rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá; tiếp tục đổi mới công tác quản lý và phát triển đội ngũ giáo viên.

Phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua: Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh. Cùng cố kết quả cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

Thực hiện chương trình giáo dục: Thực hiện đúng kế hoạch, chương trình dạy học, tiếp tục chỉ đạo việc quản lý, tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh; điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học; tích hợp các nội dung giáo dục vào các môn học và hoạt động giáo dục, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Tiếp tục đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, đẩy mạnh các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực.

Đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường; ứng dụng tích cực công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý. Xây dựng kế hoạch và huy động các nguồn lực từ nội tại và bên ngoài nhà trường trong đó chủ yếu là nguồn nội tại và của hội cha mẹ học sinh trường.

Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất lượng; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn tạo được niềm tin với cấp uỷ, chính quyền nhân dân địa phương.

2. Mục tiêu cụ thể

100% CB, GV, NV học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo, tích hợp nội dung giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh vào môn học.

100% cán bộ giáo viên tham gia tập huấn Chương trình giáo dục phổ thông mới, đổi mới phương pháp dạy học do các cấp tổ chức.

100% giáo viên tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học sử dụng các phương pháp dạy học tích cực để phát triển năng lực học sinh.

100% lớp học 9 buổi/tuần. Dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Tăng cường giáo dục kỹ năng sống, phòng chống bạo lực học đường, xâm hại trẻ em.

100% giáo viên ứng dụng CNTT trong đổi mới phương pháp dạy học.

100% giáo viên đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học với việc kiểm tra, đánh giá học sinh.

100% thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá học sinh tiểu học theo các văn bản quy định hiện hành.

175 học sinh được tổ chức bán trú ăn nghỉ, chuẩn bị các điều kiện về vệ sinh, an toàn thực phẩm, nơi ăn, nơi nghỉ.

100% học sinh được học tập, tiếp cận với nội dung giáo dục Quốc phòng và An ninh, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục địa phương, phòng cháy chữa cháy, Quyền con người, phòng chống bạo lực học đường, vệ sinh môi trường, tích hợp về biến đổi khí hậu, giáo dục Biển đảo Việt Nam.

100% cán bộ quản lý, giáo viên xếp loại theo chuẩn nghề nghiệp từ đạt trở lên trong đó có 86,2% xếp loại tốt; 13,8% xếp loại khá.

Phân đấu có 6 đồng chí đạt CSTĐ cấp cơ sở; có 10 SKKN xếp loại Đạt cấp trường.

2.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 393/393 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2.2. Chất lượng giáo dục

a. Về môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
Tổng số học sinh		53		83		72		99		86		393	
HS Khuyết tật		1		0		0		1		1		3	
HS được đánh giá		52		83		72		98		85		390	
Môn học	MĐ Đ	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %
1. Tiếng Việt	HTT	21	40,4	33	39,8	28	38,9	30	30,6	25	29,4	137	35,1
	HT	31	59,6	50	60,2	42	58,3	66	67,4	60	70,6	249	63,9
	CHT	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1
2. Toán	HTT	23	44,2	36	43,4	30	41,7	32	32,7	27	31,8	148	38
	HT	29	55,8	47	56,6	40	55,5	64	65,3	58	68,2	238	61
	CHT	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1
3. Ngoại ngữ	HTT					28	38,9	30	30,6	24	28,2	82	32,2
	HT					42	58,3	66	67,4	61	71,8	169	66,2
	CHT					2	2,8	2	2	0	0	4	1,6
4. Đạo đức	HTT	25	48,0	40	48,2	33	45,8	35	35,7	35	41,2	168	43,1
	HT	27	52,0	43	51,8	39	54,2	63	64,3	50	58,8	222	56,9

		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5. TN&XH		HTT	23	44,2	35	42,2	30	41,7					88	42,5
		HT	29	55,8	48	57,8	42	58,3					119	57,5
		CHT	0	0	0	0	0	0					0	0
Ng hệ thu ật	6.Âm nhạc	HTT	22	42,3	33	39,8	30	41,7	30	30,6	30	35,3	145	37,2
		HT	30	57,7	50	60,2	42	58,3	68	69,4	55	64,7	245	62,8
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	7.Mĩ Thuật	HTT	21	40,4	33	39,8	29	40,3	30	30,6	31	36,5	144	36,9
		HT	31	59,6	50	60,2	43	59,7	68	69,4	54	63,5	246	63,1
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8. GDTC		HTT	23	44,2	36	43,4	30	41,7	30	30,6	37	43,5	156	40
		HT	29	55,8	47	56,6	42	58,3	68	69,4	48	56,5	234	60
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9. HĐTN		HTT	22	42,3	35	42,2	29	40,3	32	32,6	37	43,5	155	39,7
		HT	30	57,7	48	57,8	43	59,7	66	67,4	48	56,5	235	60,3
		CHT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10.Tin học & Công nghệ	Tin học	HTT					28	38,9	30	30,6	25	29,4	83	32,5
		HT					44	61,1	68	69,4	60	70,6	172	67,5
		CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
	Công nghệ	HTT					29	40,3	32	32,6	37	43,5	98	38,4
		HT					43	59,7	66	67,4	48	56,5	157	61,6
		CHT					0	0	0	0	0	0	0	0
11. Khoa học		HTT						34	34,7	32	37,6	66	36,1	
		HT							64	65,3	53	62,4	117	63,9
		CHT							0	0	0	0	0	0
12. Lịch sử & Địa lí		HTT						30	30,6	28	32,9	58	31,7	
		HT							68	69,4	57	67,1	125	68,3
		CHT							0	0	0	0	0	0

[illegible]

3. Chăm chỉ	Tốt	22	42,3	35	42,2	34	47,2	35	35,7	36	42,4	162	41,5
	Đạt	30	57,7	48	57,8	38	52,8	63	65,3	49	57,6	228	58,5
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Trung thực	Tốt	23	44,2	38	45,8	32	44,4	38	38,8	38	44,7	169	43,3
	Đạt	29	55,8	45	54,2	40	55,6	60	61,2	47	55,3	221	56,7
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Trách nhiệm	Tốt	25	48,0	38	45,8	33	45,8	34	34,7	42	49,4	172	44,1
	Đạt	27	52,0	45	54,2	39	54,2	64	65,3	43	50,6	218	55,9
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

c. Những năng lực cốt lõi

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng	
TS học sinh		53		83		72		99		86		393	
HS Khuyết tật		1		0		0		1		1		3	
HS được đánh giá		52		83		72		98		85		390	
Năng lực	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
Năng lực chung													
1. Tự chủ và tự học	Tốt	21	40,4	33	39,8	28	38,9	30	30,6	29	34,1	141	36,2
	Đạt	31	59,6	50	60,2	42	58,3	66	67,4	56	65,9	245	62,8
	CCG	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1
2. Giao tiếp và hợp tác	Tốt	23	44,2	35	42,2	30	41,7	31	31,6	26	30,6	145	37,2
	Đạt	29	55,8	48	57,8	40	55,5	65	66,4	59	69,4	241	61,8
	CCG	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	Tốt	21	40,4	35	42,2	28	38,9	30	30,6	25	29,4	139	35,6
	Đạt	31	59,6	48	57,8	42	58,3	66	67,4	60	70,6	247	63,4
	CCG	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1
- Năng lực đặc thù													
1. Ngôn ngữ	Tốt	21	40,4	33	39,8	28	38,9	30	30,6	25	29,4	137	35,1
	Đạt	31	59,6	50	60,2	42	58,3	66	67,4	60	70,6	249	63,9
	CCG	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1

2. Tính toán	Tốt	23	44,2	36	43,4	30	41,7	32	32,7	27	31,8	148	38
	Đạt	29	55,8	47	56,6	40	55,5	64	65,3	58	68,2	238	61
	CCG	0	0	0	0	2	2,8	2	2	0	0	4	1
3. Khoa học	Tốt	23	44,2	35	42,2	30	41,7	34	34,7	32	37,6	154	39,5
	Đạt	29	55,8	48	57,8	42	58,3	64	65,3	53	62,4	236	60,5
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4. Thẩm mỹ	Tốt	21	40,4	33	39,8	29	40,3	30	30,6	31	36,5	144	36,9
	Đạt	31	59,6	50	60,2	43	59,7	68	69,4	54	63,5	246	63,1
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5. Thể chất	Tốt	23	44,2	36	43,4	30	41,7	30	30,6	37	43,5	156	40
	Đạt	29	55,8	47	56,6	42	58,3	68	69,4	48	56,5	234	60
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6. Công nghệ	Tốt					29	40,3	32	32,7	37	43,5	98	38,4
	Đạt					43	59,7	66	67,3	48	56,5	157	61,6
	CCG					0	0	0	0	0	0	0	0
7. Tin học	Tốt					28	38,9	30	30,6	25	29,4	83	32,5
	Đạt					44	61,1	68	69,4	60	70,6	172	67,5
	CCG					0	0	0	0	0	0	0	0

d. Kết quả giáo dục cuối năm học:

Khối lớp	TSHS Được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %	TS	TL %	
1	52	9	17,3	12	23,1	31	59,6	0	0	1 HSKT không đánh giá
2	83	17	20,5	16	19,3	50	60,2	0	0	1 HSKT có đánh giá
3	72	12	16,7	16	22,2	42	58,3	2	2,8	
4	98	14	14,5	16	16,5	66	67	2	2	1 HSKT không đánh giá
5	85	10	11,8	14	16,5	61	71,8	0	0	1 HSKT không đánh giá
Tổng	390	62	15,9	74	19	250	64,1	4	1	3 HSKT không đánh giá

- Hoàn thành chương trình lớp học: 303/307, tỷ lệ 98,7% (gồm 3 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 86/86 tỷ lệ 100% (gồm 1 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

e. Các hoạt động khác:

- 100% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu (theo quy định) do trường và ngành phát động trong năm học.

- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng.

- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, linh hoạt, phù hợp và thân thiện.

- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do Đội, trường và ngành phát động.

- 100% hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

- Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức: Tổ chức thăm hỏi các gia đình chính sách: lần/năm học.

g. Khen thưởng cuối năm học:

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		TSHS được KT		HSXS/HTXS các nội dung học tập và rèn luyện		Có thành tích vượt trội/ HS tiêu biểu HTT	
		<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>	<i>SL</i>	<i>TL %</i>
1	53 - KT1	21	40,3	9	17,3	12	23,0
2	83 - KT1	33	39,8	17	20,5	16	19,3
3	72	28	38,9	12	16,7	16	22,2
4	99 - KT1	30	31	14	14,5	16	16,5
5	86 -KT1	24	28,2	10	12,7	14	17,7
Tổng	393 – KT4	136	34,6	62	15,8	74	18,8

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

[illegible]

10	GDTC (Thử dục)		70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	Ngoại ngữ 1(TA)								140	72	68	140	72	68	140	72	68
12	Tăng cường tiếng Việt		35	18	17	35	18	17	35	18	17						
13	GDĐP		22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10	22	12	10
14	Tiết đọc thư viện		35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
15	Hoạt động trải nghiệm (HĐTT)	35	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		35	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
		35	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17S

II. Môn học tự chọn

1	Tiếng dân tộc thiểu số																
2	Ngoại ngữ (Tiếng Anh tự chọn lớp 1, 2)																
3	Câu lạc bộ																

III. Hoạt động củng cố, tăng cường

1	Toán *		70	36	34	70	36	34									
2	Tiếng Việt *		83	42	41	83	42	41	48	24	24	13	6	7	13	6	7

TỔNG

<i>Tổng số tiết/năm học (không kể các môn học tự chọn)</i>	967	498	469	967	498	469	1072	552	520	1107	570	537	1107	570	537
<i>Số tiết tự chọn/tuần</i>															
<i>Số tiết củng cố, tăng cường/năm</i>	153 tiết/năm			153 tiết/năm			48 tiết/năm			13 tiết/năm			13 tiết/năm		
<i>Số tiết/tuần</i>	32 tiết/tuần			32 tiết/tuần			32 tiết/tuần			32 tiết/tuần			32 tiết/tuần		
<i>Số buổi dạy/ tuần</i>	9 buổi/tuần			9 buổi/tuần			9 buổi/tuần			9 buổi/tuần			9 buổi/tuần		
<i>Tổng số tiết/ năm học</i>	1120 tiết/năm			1120 tiết/năm			1120 tiết/năm			1120 tiết/năm			1120 tiết/năm		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
THÁNG 9	Truyền thống nhà trường	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng ngày 5/9/2025	BGH; TPTĐ GVCN	Ban ĐDCMHS; GV các môn chuyên.
THÁNG 10	HĐTN	- Tổ chức Tết Trung Thu cho học sinh.	Tập trung toàn trường	Tối ngày 5/10/2025 (14/8 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM xã; Nhân viên nhà trường
	Truyền thống nhà trường	Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung từng điểm trường	Giờ chào cờ đầu tuần ngày 13/10/2025	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
	HĐTN	Giao lưu văn nghệ; chúc mừng mẹ và cô nhân ngày 20/10	Tập trung từng điểm trường	Giờ SHL ngày 17/10/2025	TPTĐ, GVCN	BGH, GVBM, NV
THÁNG 11	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Kỉ niệm ngày 20/11; Hội diễn văn nghệ	Tập trung toàn trường	Thứ Năm ngày 20/11/2025	BGH, TPTĐ	Ban ĐDCMHS
THÁNG 12	Uống nước nhớ nguồn	Nói chuyện truyền thống ngày quốc phòng toàn dân.	Tập trung từng điểm trường	Giờ chào cờ đầu tuần ngày 22/12/2025	Tổng phụ trách đội	BGH, GV, NV.
THÁNG 1+2	Truyền thống dân tộc	- Tổ chức cho học sinh tham quan trải nghiệm: Các trò chơi dân gian của dân tộc Thái, Mông (Ngày Tết quê em)	Toàn trường	Chiều 13/02/2026	BGH; TPTĐ GV, NV toàn trường.	Ban ĐDCMHS Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ...
THÁNG 3	HĐTN	- Hoạt động trải nghiệm: Tổ chức hội thi giao lưu tiếng việt cấp trường.	Tập trung	Ngày .../3/2026	BGH; TPTĐ GVCN.	Ban ĐDCMHS, GVCN

THÁNG 4	Hòa bình hữu nghị	Tổ chức ngày hội đọc sách + ngày hội ẩm thực	Tập trung toàn trường	Chiều/4/2026	BGH; TPT. NVTV	GV toàn trường

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ, năng khiếu	-Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ theo nhu cầu người học.	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	1 lần/tháng (Từ 16 giờ 20 phút đến 17 giờ).	Tại trường	
2	Vui chơi tự do; HĐTT sân trường	- Chơi trò chơi - Ca múa hát, HĐTT sân trường;	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Cuối buổi học thứ hai trong ngày (Từ 16 giờ 20 phút đến 17 giờ).	Tại sân trường	
3	HĐTN,RKNS, HĐGD khác	- GDKNS; hoạt động giải trí ...	Học sinh bán trú	Trước hoặc sau bữa ăn trưa	Tại trường	
4	Ôn bài	Ôn bài buổi tối	Học sinh bán trú	Buổi tối (Từ 19 giờ 30 đến 21 giờ)	Tại lớp học	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

*** Khung thời gian hoạt động trong ngày:**

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
7 giờ - 7 giờ 25 phút	25 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2

8 giờ 45 phút - 9 giờ 10 phút	25 phút	Ra chơi
9 giờ 10 phút - 9 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 50 phút - 10 giờ 25 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 30 phút - 11 giờ 30 phút	60 phút	Ăn trưa + HĐTN/ Hoạt động giáo dục (HS bán trú)
Buổi chiều		
13 giờ 45 phút - 14 giờ	15 phút	Truy bài
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 1
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 2
15 giờ 15 phút - 15 giờ 35 phút	20 phút	Ra chơi
15 giờ 40 phút - 16 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 3
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		Nội dung
16 giờ 20 phút đến 17 giờ 0 phút	40 phút	- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; CLB; vệ sinh cá nhân (Chiều thứ 5 hàng tuần)
17 giờ 10 phút đến 19 giờ 00 phút	110 phút	Ăn tối + HĐTN/ Hoạt động giáo dục (HS bán trú)

** Ghi chú: Thời gian 1 tiết học 35 phút, 05 phút dành cho thời gian chuyển giữa các tiết học.*

*** Đối với các điểm trường lẻ:**

- Kế hoạch giáo dục đối với điểm trường lẻ thực hiện như trường trung tâm.
- Hoạt động NGLL hoạt theo điểm trường và bố trí thời gian sinh hoạt luân phiên giữa các điểm trường cho phù hợp .

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định 181/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Nậm Kè về việc Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025 – 2026 đối với giáo dục Mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn xã Nậm Kè.

Ngày tựu trường: Học sinh lớp 1,2,3,4,5 ngày 03/9/2025.

Ngày khai giảng: ngày 05/9/2025

Học kỳ I: Từ ngày 08/09/2025 đến ngày 16/01/2026 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Học kỳ II: Từ ngày 19/01/2026 đến ngày 22/05/2026 (gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác).

Ngày bế giảng năm học: Ngày 29/05/2026

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn...).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học, phải có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

Tại trường PTDTBT Tiểu học Nậm Kè số 1 thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

*** Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần đối với các khối lớp từ 1 đến 5:**

TT	Môn học và Hoạt động giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Ghi chú
		Theo TT32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT 32	Tăng thêm	Theo TT32	Tăng thêm	Theo TT32	Tăng thêm	
1	Tiếng Việt	12	2	10	2	7	1	7	0	7	0	
2	Toán	3	2	5	2	5	0	5	0	5	0	
3	Đạo đức	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	
4	TN&XH	2	0	2	0	2	0					
5	Khoa học							2	0	2	0	
6	LS&DL							2	0	2	0	
7	Nghệ thuật											
8	Âm nhạc	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	
9	Mỹ thuật	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	
10	Kỹ thuật											
11	GDTC	2	0	2	0	2	0	2	0	2	0	
12	HĐTN	3	0	3	0	3	0	3	0	3	0	
13	HĐ tập thể (khối 4.5)											
14	Tiếng Anh					4	0	4	0	4	0	
15	Tăng cường Tiếng Việt	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	
16	Tiết đọc thư viện	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	
17	Tin học và công nghệ					2	0	2	0	2	0	
18	GDDP	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	
Tổng		28	04	28	04	31	01	32	0	32	0	
Tổng chung/tuần		32 tiết		32 tiết		32 tiết		32 tiết		32 tiết		

*** Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5:**

- Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được xây dựng cụ thể theo từng ngày/lớp/ tuần (*Có thời khóa biểu chi tiết theo từng lớp và kế hoạch dạy học tuần của từng môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp kèm theo*).

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

- Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh để đảm bảo kế hoạch dạy học đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo nhu cầu người học theo tình hình cụ thể của nhà trường.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB,GV,NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

Tại trường PTDTBT TH Nậm Kè số 1 thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 – 2026; Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được xây dựng cụ thể theo từng ngày/lớp/ tuần (*Có thời khóa biểu chi tiết theo từng lớp và kế hoạch dạy học tuần của từng môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp kèm theo*).

4.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (*đính kèm Phụ lục 1.4 khối lớp 1*)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (*đính kèm phụ lục 2 kế hoạch giáo dục khối 1*)

4.2. Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (*đính kèm Phụ lục 1.4 khối lớp 2*)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (*đính kèm phụ lục 2 kế hoạch giáo dục khối 2*)

4.3. Đối với khối lớp 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (*đính kèm Phụ lục 1.4 khối lớp 3*)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 (*đính kèm phụ lục 2 kế hoạch giáo dục khối 3*)

4.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (*đính kèm Phụ lục 1.4 khối lớp 4*)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 (đính kèm phụ lục 2 kế hoạch giáo dục khối 4)

4.5. Đối với khối lớp 5

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. (đính kèm Phụ lục 1.4 khối lớp 5)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (đính kèm phụ lục 2 kế hoạch giáo dục khối 5)

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tham mưu với cấp trên tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có.

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tu bổ, sửa chữa cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Xây dựng kế hoạch xã hội hóa giáo dục nhằm kêu gọi các nhà tài trợ để tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học,

- Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước kết hợp với các nguồn huy động xã hội hóa giáo dục để tăng cường đầu tư cơ sở vật chất tăng cường trang thiết bị trong các lớp học, bổ sung đầu sách, truyện, trang thiết bị xây dựng thư viện.

- Tăng cường và tận dụng tối đa cơ sở vật chất nhà trường để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo chất lượng giáo dục toàn diện theo hướng kết hợp dạy học văn hóa với tổ chức các hoạt động trải nghiệm nhằm giáo dục tình cảm, đạo đức, giáo dục thể chất, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh.

- Kiến nghị với cấp trên đề nghị đơn vị thi công tiếp tục hoàn thiện 08 phòng học nhà 02 tầng tại điểm trường trung tâm trong thời gian sớm nhất.

2. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Xây dựng đội ngũ GV, NV, CBQL cốt cán; Phân công các giáo viên cốt cán, các giáo viên có năng lực triển khai CTGDPT 2018 kèm cặp, hướng dẫn các giáo viên có năng lực còn hạn chế để giáo viên tự thực hiện giờ dạy theo yêu cầu CTGDPT 2018;

- Cử CBQL, GV, NV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng; học tập nâng cao trình độ theo lộ trình hướng dẫn tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP;

- Triển khai hoạt động bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV, NV, CBQL đáp ứng yêu cầu triển khai CTGDPT 2018 trên cơ sở khảo sát nhu cầu, yêu cầu thực tiễn;

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho giáo viên theo các phương pháp linh hoạt khác nhau, phù hợp với điều kiện thực tế của trường;

- Tăng cường công tác giao lưu, chia sẻ nội sinh hoạt chuyên môn giữa các đơn vị trường trong huyện;

- Tổ chức các giờ dạy minh họa, các chuyên đề theo nhu cầu của đội ngũ nhằm giải quyết những vướng mắc, khó khăn khi thực hiện chương trình GDPT 2018...

3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

- Xây dựng quy trình triển khai dạy học theo CTGDPT 2018.

- Thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt chuyên môn hàng tháng để đảm bảo đồng hành, hỗ trợ thường xuyên đối với các giáo viên thực hiện CTGDPT 2018; thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở tất cả các tổ khối chuyên môn.

- Xây dựng các nội dung chuyên đề phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu phát triển chuyên môn của giáo viên.

- Tổ chức cho giáo viên tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện SHCM cấp trường, cụm trường theo hướng NCBH và chuyên đề. Tổ chức hội thảo giải đáp những khó khăn vướng mắc trong giảng dạy.

- Soạn thảo các văn bản chỉ đạo việc tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo yêu cầu CTGDPT 2018.

- Tăng cường tổ chức nghiên cứu nội dung mới, nội dung khó để giải quyết những vướng mắc khi thực hiện CTGDPT 2018...

4. Đổi mới trong công tác giảng dạy

4.1. Đổi mới phương pháp dạy học:

Thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông mới, đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học và nâng cao chất lượng đánh giá học sinh tiểu học. Cụ thể:

+ Dạy học thông qua tổ chức các hoạt động học tập. Từ đó giúp học sinh phát triển phẩm chất, năng lực của mình.

+ Tăng cường sử dụng hiệu quả thiết bị, đồ dùng dạy học, ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin phù hợp với nội dung học và đối tượng học sinh.

+ Sử dụng hệ thống câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ học tập phù hợp với các đối tượng trong tiến trình dạy học; chú trọng rèn luyện cho học sinh những tri thức phương pháp để học sinh biết cách đọc sách giáo khoa, tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi, phát hiện kiến thức mới, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết tình huống; chú ý giúp học sinh đảm bảo kiến thức, kỹ năng để đáp ứng yêu cầu học tập.

+ Thông qua sinh hoạt chuyên môn ở tổ, giáo viên đăng ký tiết dạy, nội dung dạy học theo hướng đổi mới, thể hiện cụ thể trên bài soạn. Phụ trách chuyên môn, tổ chuyên môn nhà trường dự giờ góp ý đồng thời chọn những tiết dạy thể nghiệm để thảo luận rút kinh nghiệm ở tổ.

+ Phụ trách chuyên môn nhà trường chỉ đạo, hướng dẫn tổ chuyên môn thảo luận để mỗi giáo viên dạy các môn Tự nhiên và xã hội lớp 1, 2, 3 và Khoa học lớp 4, 5 thiết kế các tiết dạy, bài dạy, chủ đề áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột; tổ chức các giờ học cho học sinh thực hành các thí nghiệm với các vật liệu đơn giản, dễ thực hiện, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh trong quá trình thực hành, thí nghiệm. Giáo viên đăng ký các tiết dạy cụ thể và thể hiện trong bài soạn.

+ Phụ trách chuyên môn hướng dẫn cho giáo viên chủ động sắp xếp bài dạy theo hướng nhóm các nội dung bài học thành các chủ đề theo hướng dẫn tại “Tài liệu dạy học Mỹ thuật dành cho giáo viên tiểu học” từ lớp 1 đến lớp 5, đảm bảo yêu cầu đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao nhất, góp phần tích cực phát triển năng lực và phẩm chất cho học sinh.

4.2 Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống.

Thực hiện dạy học gắn lý thuyết với thực hành; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tham quan thực tế, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục trong các môn học/hoạt động giáo dục với giáo dục đạo đức, giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước; phòng chống HIV/AIDS, giáo dục an toàn giao thông.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai phương pháp dạy học, kỹ thuật kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên tiểu học.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lý giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá ứng dụng CNTT trong dạy học và quản trị nhà trường.

Thực hiện tốt công tác y tế trường học; quan tâm chăm sóc sức khỏe học sinh.

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên; Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Tiếp tục thực hiện dạy học gắn với di sản văn hóa một cách thiết thực: Khai thác các tư liệu, tranh ảnh... vào các bài học cụ thể trong các bộ môn Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc; tổ chức cho học sinh tham quan các bảo tàng, di tích để học sinh được trải nghiệm, hình thành các kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, góp phần phát triển năng lực của học sinh.

Phát triển văn hóa đọc cho học sinh qua việc khai thác hiệu quả thư viện nhà trường; xây dựng tủ sách nhỏ, thân thiện ngay trong lớp học, thư viện lưu động, phát triển phong trào đọc sách của học sinh.

4.3. Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh:

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định đánh giá học sinh tiểu học. Nhà trường, tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với kế hoạch giáo dục từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh. Thực hiện đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh bằng các hình thức khác nhau: Đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở hoặc sản phẩm học tập.

Thực hiện theo Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học (ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT, ngày 04 tháng 09 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Cần chú ý:

- Những phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- Những năng lực cốt lõi:
- + Những năng lực chung: Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.
- + Những năng lực đặc thù: Ngôn ngữ, tính toán, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất.

Nhà trường tổ chức tập huấn nâng cao năng lực đánh giá học sinh, năng lực ra đề kiểm tra định kỳ cho giáo viên. Việc đánh giá học sinh phải đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, dân chủ, thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học.

Ban Giám hiệu, Tổ trưởng tổ chuyên môn thông qua dự giờ, thăm lớp để kiểm tra, giám sát việc đánh giá học sinh của giáo viên, kịp thời hỗ trợ, tư vấn cho giáo viên, giúp giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy học, nâng cao năng lực đánh giá học sinh.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin; khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành; nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Ban Giám hiệu nhà trường, thuận lợi cho giáo viên trong việc sử dụng và theo dõi quá trình học tập của học sinh; bảo mật và lưu trữ an toàn dữ liệu.

5. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội

- Làm tốt công tác truyền thông giáo dục để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về GDTH; xây dựng kế hoạch truyền thông, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông trên địa bàn xã, kịp thời, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của xã hội.

- Triển khai đổi mới giáo dục tiểu học theo chủ trương của ngành, nhà trường chủ động cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh và nhân dân biết qua các kênh thông tin truyền thông; đồng thời, sẵn sàng lắng nghe và thảo luận các vấn đề mới đang tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau để tạo lập sự đồng thuận và hỗ trợ của xã hội.

- Tuyên truyền về các biện pháp ngăn ngừa các hành vi bạo hành đối với trẻ em, hành vi xâm hại hoặc ứng xử gây tổn thương đến thể chất, tinh thần học sinh.

- Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của trường, của Ngành, nhất là các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong dạy và học, các tấm gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học để tạo sự lan tỏa, khích lệ các thầy, cô giáo, các em học sinh phấn đấu vươn lên.

- Nhà trường tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

6. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp

- Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh thông qua hoạt động GDNGLL, Giáo dục kỹ năng sống. Lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kỹ năng sống, các kỹ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông, phòng tránh tai nạn thương tích đuối nước).

- Tổ chức giao lưu trò chơi dân gian, hát dân ca: Giao trách nhiệm cho Tổng phụ trách phân công cụ thể cho các khối lớp các trò chơi dân gian, bài hát dân ca phù hợp.

- Tổ chức cho học sinh chăm sóc các gia đình chính sách, tham quan đài tưởng niệm, viếng nghĩa trang liệt sĩ...

- Làm tốt công tác giáo dục truyền thống dân tộc, truyền thống văn hoá lịch sử ở địa phương cho học sinh, giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc thông qua công tác tuyên truyền, các hoạt động về nguồn, kỉ niệm các ngày lễ, các sự kiện trọng đại của đất nước như: Phong trào “Uống nước nhớ nguồn”,...

7. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày và bán trú

- Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày.

+ Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

+ Buổi 2: Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế. Vận động cha mẹ học sinh tự nguyện ủng hộ chủ trương và đóng góp kinh phí để tổ chức cho học sinh ăn trưa theo thực đơn cân bằng dinh dưỡng và nghỉ trưa tại trường. Thực hiện quy định tài chính về thu, chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh theo hướng dẫn của cấp trên; công khai hàng ngày số lượng hàng hóa, định mức chi cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh bán trú.

- Tổ chức dạy học cả ngày và bán trú thực hiện quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

8. Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đối với trẻ khuyết tật

- Căn cứ nội dung chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT đối với cấp học Tiểu học.

- Dựa vào khả năng nhu cầu của mỗi trẻ khuyết tật đã xác định trong sổ “Theo dõi sự tiến bộ của trẻ” và kế hoạch giáo dục chung.

- Trên cơ sở đó giáo viên điều chỉnh nội dung, chương trình các môn học và phương pháp giáo dục giáo dục một cách phù hợp với từng đối tượng người học.

- Giáo viên dạy môn chuyên biệt đề xuất miễn, giảm một số môn học nội dung và hoạt động giáo dục mà khả năng của cá nhân người học không thể đáp ứng được như môn Tiếng Anh, Tin học,...

- Giáo viên trong giáo dục hòa nhập dành cho trẻ khuyết tật phải tôn trọng và thực hiện các quyền của người khuyết tật, có phẩm chất đạo đức tốt, yêu thương trẻ khuyết tật, tăng cường tìm hiểu cách giáo dục trẻ khuyết tật. Thường xuyên theo dõi đánh giá sự tiến bộ của trẻ.

- Chủ động phối hợp với tổ, giáo viên dạy chuyên trong việc lập kế hoạch giáo dục cá nhân, tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá kết quả giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân của trẻ khuyết tật.

9. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

- Dạy học tăng cường tiếng Việt cho học sinh lớp 1,2,3 theo tài liệu tăng cường tiếng việt, qua các môn học và hoạt động giáo dục; thường xuyên rèn kỹ năng nghe, nói (phát âm), viết chính tả cho học sinh.

- Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy tập làm văn, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

- Thực hiện linh hoạt các giải pháp nâng cao chất lượng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh trong quá trình giảng dạy các môn học cho học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số;

Thường xuyên tổ chức các hoạt động giao lưu tiếng Việt, ngày hội đọc sách, thi kể chuyện, duy trì thư viện góc lớp,...

10. Triển khai giáo dục STEM

Triển khai giáo dục STEM theo hướng dẫn tại Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GDĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GDĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

Tăng cường tham mưu để được bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong nhà trường phù hợp với điều kiện của địa phương.

11. Công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kĩ năng

- Trong mỗi tiết dạy cần quan tâm đến từng đối tượng học sinh, quan tâm phát triển năng lực cho học sinh vượt trội, chú ý giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập,

- Khuyến khích các em đăng ký tham gia các lớp phát triển năng khiếu bản thân như: hát, múa, vẽ, thể thao,...

- Tăng cường bồi dưỡng, phụ đạo trong các tiết học chính khóa và tiết tăng thêm theo hình thức dạy phân hóa đối tượng học sinh.

12. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tổ chức và đổi mới công tác quản lý giáo dục trong nhà trường

Xây dựng quy chế làm việc, nội quy cơ quan, quy chế dân chủ, tổ chức bộ máy, quy chế chi tiêu nội bộ... Dựa trên đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các văn bản có liên quan.

Mạnh dạn đầu tư cho các hoạt động giáo dục có nội dung mới, mang tính đột phá. Duy trì tốt các hoạt động nền nếp, kỷ cương của nhà trường, của ngành.

Thực hiện tốt việc phân công quản lý trong các thành viên quản lý, tổ trưởng, bộ phận... nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của từng thành viên. Phát huy tốt vai trò của chức năng Hội đồng trường trong quản lý giáo dục.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp bộ máy tinh gọn, sử dụng hết năng suất lao động, khả năng tiềm ẩn của mỗi thành viên trong nhà trường. Phân công nhiệm vụ đúng người, đúng việc phù hợp với năng lực, sở trường của mỗi cá nhân.

Đẩy mạnh công tác quản lý từ nhận thức vấn đề - xây dựng kế hoạch - tổ chức thực hiện - kiểm tra và đánh giá rút kinh nghiệm.

13. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số

- Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo

Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng thiết bị chuyển đổi số cho giáo viên; duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với môn Tiếng anh tại một số lớp 4,5; chuẩn bị sẵn các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh xảy ra không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống “Trường học kết nối”, khai thác sử dụng "Hành trang số", phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên toàn cấp học trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS. Tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, sự kiện thể thao, giao lưu tiếng Việt,

hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong (TNTP) Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng.

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, phần mềm thực đơn cân bằng dinh dưỡng, phần mềm dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình VTV. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn; Kênh youtube: Cộng đồng giáo viên sáng tạo tỉnh Điện Biên; Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo trong khu vực và trên phạm vi cả nước.

100% cán bộ quản lý, tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh, giáo viên, nhân viên thư viện, nhân viên y tế sử dụng hồ sơ điện tử (bao gồm: hồ sơ chuyên môn, hồ sơ thư viện, hồ sơ theo dõi công tác y tế trường học, kế hoạch hoạt động công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh, kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tuần,...) để quản lý trên môi trường số.

- Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở tiểu học

Tổ chức thực hiện hiệu quả giáo dục kỹ năng số, đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số. Nội dung giáo dục kỹ năng số được giảng dạy cho học sinh thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024.

- Triển khai học bạ số

Toàn trường thực hiện sử dụng học bạ số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến 2030.

14. Công tác khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục

Công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục: Thực hiện đánh giá nhà trường theo nội dung kiểm định chất lượng trường tiểu học.

Công tác duy trì/xây dựng trường chuẩn quốc gia:

+ Điều tra thực trạng 5 tiêu chuẩn của trường học đạt chuẩn Quốc gia để làm cơ sở xây dựng kế hoạch cho cả giai đoạn và từng năm phù hợp với thực tế.

+ Tham mưu cho các cấp đầu tư xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất nhà trường.

+ Nâng cao năng lực quản lý của hiệu trưởng, cán bộ, giáo viên; Tham mưu UBND xã bổ sung thêm biên chế giáo viên, nhân viên cho đảm bảo cơ cấu theo quy định; Xây dựng thư viện đạt chuẩn và bổ sung trang thiết bị cần thiết.

+ Thực hiện tốt công xã hội hóa giáo dục.

+ Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhà trường.

15. Công tác Phổ cập giáo dục tiểu học - Xóa mù chữ

Nhà trường học phải làm tốt chức năng tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền, Ban chỉ đạo PCGD-XMC xã về lập kế hoạch thực hiện, tham gia phân công và điều hành hoạt động của BCD, phối hợp các lực lượng nâng cao chất lượng giáo dục.

Duy trì vững chắc chuẩn PCGDTH. Xây dựng kế hoạch và hồ sơ phổ cập GDTH-XMC, huy động tối đa học sinh ra lớp, đảm bảo duy trì sĩ số. Nâng cao chất lượng dạy học các giờ chính khoá, tăng cường hướng dẫn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên trường học về công tác quản lý, chỉ đạo chuyên môn và tổ chức các hoạt động giáo dục; đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng học sinh.

Tiếp tục rà soát số người mù chữ và tái mù chữ trong độ tuổi 15-35, xây dựng kế hoạch duy trì PCGDTH - XMC.

16. Công tác kiểm tra nội bộ trường học

BGH ra quyết định và xây dựng kế hoạch công tác kiểm tra nội bộ trường học năm 2025 – 2026.

Kiện toàn tổ chức, thành lập ban chuyên môn gồm HT, PHT, GV là những người có năng lực quản lý, chuyên môn kinh nghiệm, có uy tín thực hiện tốt việc kiểm tra đánh giá.

Tập huấn công tác tự kiểm tra đánh giá cho ban chuyên môn và 100% giáo viên để nắm vững mục đích yêu cầu và quy tắc kiểm tra nội bộ trường học.

Tự kiểm tra 2 lần/ năm học về chuyên môn, hoạt động sư phạm, kiểm tra toàn diện và kiểm tra chuyên đề.

17. Công tác đánh giá CBQL, GV, thi đua khen thưởng

Đánh giá xếp loại Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng thực hiện theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học. Đánh giá xếp loại giáo viên thực hiện theo Quyết định số 20/2018/QĐBGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học.

Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng khoa học của nhà trường được củng cố và kiện toàn ngay sau ngày hội nghị công chức viên chức; Các tổ chuyên môn được bố trí khoa học.

Nội dung hoạt động thi đua bám sát sự chỉ đạo của ban thi đua các cấp.

Hội đồng thi đua, khen thưởng - Hội đồng khoa học nhà trường thống nhất cao trong công tác tuyên truyền vận động các thành viên nhà trường tích cực tự nguyện tham gia thi đua với các thành tích cao: Thi viết sáng kiến, nghiên cứu khoa học, thực hiện các chuyên đề cấp trường, cấp cụm,...

Việc đánh giá, xếp loại thi đua công bằng, các phong trào thi đua được sơ kết, tổng kết kịp thời. Thành tích của các cá nhân, tập thể được trân trọng, đánh giá đúng động viên khích lệ cán bộ, giáo viên trong nhà trường phấn đấu vươn lên đạt hiệu quả trong công việc.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng

- Lãnh đạo điều hành toàn bộ công việc của trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã về hoạt động của nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch chỉ đạo hoạt động giáo dục; xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường; kế hoạch kiểm tra nội bộ; kế hoạch tổ chức dạy các môn tự chọn...

- Tham mưu với chính quyền địa phương về các hoạt động giáo dục của nhà trường, địa phương.

- Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị; phát huy dân chủ trong công tác để đạt hiệu quả cao trong các hoạt động quản lý, điều hành.

- Tổ chức các hoạt động hội thi, hội giảng trong năm học. Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường; Ra các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó chuyên môn. Thành lập Hội đồng tổ chức Kiểm tra định kì; Hội đồng nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh năm học. Hội đồng thi đua khen thưởng. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học, các hoạt động giáo dục.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

- Chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện thiết bị, quản lý các phần mềm, hồ sơ công việc liên quan đến các hoạt động giáo dục, tổ chức tập huấn cho CBGVNV Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Chỉ đạo, tổ chức xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn và các hoạt động liên quan đến giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

- Duyệt các kế hoạch sinh hoạt chuyên môn, kế hoạch hoạt động giáo dục.

- Tham mưu với Hiệu trưởng rà soát quy hoạch mạng lưới trường học, trang thiết bị CSVC của nhà trường. Tham mưu cho Hiệu trưởng công tác chuyên môn, bồi dưỡng chất lượng đội ngũ giáo viên, các giải pháp nâng cao chất lượng học sinh, đội ngũ giáo viên.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình (đối với tổ chuyên môn); theo kế hoạch công tác (đối với tổ văn phòng) và các quy định của cơ quan quản lý cấp trên.

- Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ (đối với tổ chuyên môn), tổ chức kiểm tra đánh giá chất lượng thực hiện nhiệm vụ của thành viên trong tổ (đối với cả tổ chuyên môn và tổ văn phòng) theo kế hoạch của nhà trường.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định (2 lần/tháng).

- Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

- Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

- Thành lập Ban chỉ huy liên đội, các sao nhi đồng tổ chức và thực hiện mọi hoạt động phong trào của nhà trường;

- Phối kết hợp với các tổ khối trưởng chuyên môn, các giáo viên xây dựng, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào học sinh của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch đội, xây dựng bộ tiêu chí thi đua của Liên đội.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm;
- Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;
- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch dạy học tuần theo môn học phụ trách, kế hoạch bài dạy phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.
- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng;
- Thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế chuyên môn, chương trình, thời khóa biểu;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng giáo dục môn học mình đảm nhiệm;
- Phối kết hợp với các GVCN, các đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa;
- Tích cực việc bồi dưỡng thường xuyên về chuyên môn, nghiệp vụ;
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên đề do các cấp tổ chức.
- Tham gia công tác phổ cập giáo dục PCGD, XMC. Tham gia công tác khuyến học.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7. Đối với nhân viên

7.1. Nhân viên TV+TB

- Tổ chức, quản lý hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Xây dựng các kế hoạch liên quan đến hoạt động của thư viện + thiết bị;
- Tuyên truyền đề CB, GV, NV và học sinh tích cực đọc sách;
- Tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam”; tổ chức ngày hội đọc sách...
- Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

7.2. Nhân viên Y tế

- Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.
- Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường
- Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CB, GV, NV và học sinh.
- Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.
- Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe HS, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì. Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo qui định của BGDDĐT, Bộ Y tế.
- Phối hợp với công ty bảo hiểm phổ biến chế độ bảo hiểm tới GV, HS và phụ huynh HS của nhà trường.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.3. Nhân viên kế toán

- Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.
- Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.
- Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.
- Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.
- Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.
- Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.4. Nhân viên văn thư – thủ quỹ

- Nhận các chế độ học sinh và cấp phát chế độ cho học sinh kịp thời.
- Nhận, chuyển, lưu trữ các công văn, quyết định đi và đến của nhà trường.
- Soạn thảo các văn bản khi Ban giám hiệu yêu cầu.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.5. Nhân viên bảo vệ

- Giữ gìn an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản của nhà trường, của GV, HS.
- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường.
- Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường PTDTBT Tiểu học Nậm Kè số 1./.

Nơi nhận:

- Phòng VH - XH (để b/c);
- Các tổ chuyên môn (để t/h);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

